

CÔNG TY CỔ PHẦN KENCHIKU VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KENCHIKU VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KENCHIKU VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KENCHIKU VIET NAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0110058725

3. Ngày thành lập: 12/07/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 9A, Ngõ 96 đường Chiến Thắng, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0776220213

Fax:

Email: *kenchikuvietnam01@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. + Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (Điều 43 Nghị định 79/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy).	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4610
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm)	4649
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, sôđa, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; (trừ loại nhà nước cầm)	4669
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Ủy thác mua bán hàng hóa; - Dịch vụ xuất nhập khẩu (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản) Điều 28, Điều 155 Luật Thương mại 2005	8299
14.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng - Kiểm định xây dựng; - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thi công xây dựng công trình; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy Điểm 93, Điều 97, Điều 91, Điều 92, Điều 95, Điều 96 Nghị định 15/2021/NĐ-CP hướng dẫn một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Phòng cháy và chữa cháy sửa đổi	7110

15.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thi; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
16.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cầm)	4690
17.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
18.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
19.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
20.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
21.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
22.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
23.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
24.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
25.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
26.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
27.	Thu gom rác thải độc hại	3812
28.	Xây dựng công trình điện	4221
29.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
30.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
31.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
32.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chia tách và cải tạo đất)	4299(Chính)
33.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
34.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
35.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
36.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỊ HUYỀN	Thôn Phú Đức, Xã Phú Nam An, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	165.000	1.650.000.000	55,000	0011910328 77	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	165.000	1.650.000.000	55,000		
2	PHẠM NGỌC LƯU	Thôn Phú Đức, Xã Phú Nam An, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	40,000	0010830029 76	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	40,000		

3	PHẠM THỊ LUẬN	Thôn Lợi Hà, Xã Phú Nam An, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	5,000	0011850053 62
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	15.000	150.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001191032877

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Phú Đức, Xã Phú Nam An, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phú Đức, Xã Phú Nam An, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội